

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  
**Môn Ngữ văn 12 - Năm học 2023 – 2024**

---

**A. GIỚI HẠN KIẾN THỨC VÀ MỘT SỐ KĨ NĂNG**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**1. Các văn bản/đoạn trích thuộc Nghị luận hiện đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

**Nhận biết:**

- Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.
- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...

**Thông hiểu:**

- Hiểu được nội dung văn bản/đoạn trích.
- Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.
- Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

**Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.
- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

**2. Các văn bản/đoạn trích thuộc Thơ Việt Nam 1945 – 1975 (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

**Nhận biết:**

- Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt của bài thơ/đoạn thơ.
- Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.
- Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ.

**Thông hiểu:**

- Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mỹ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ.
- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

**Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.
- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

**II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)**

**Câu 1: Nghị luận xã hội (2,0 điểm)**

**\*Nghị luận về tư tưởng, đạo lí**

**Nhận biết:**

- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.
- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

### **Thông hiểu:**

- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.

### **Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.

### **Vận dụng cao:**

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.
- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

### **\* Nghị luận về một hiện tượng đời sống**

#### **Nhận biết:**

- Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.
- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

#### **Thông hiểu:**

- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.

#### **Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.

#### **Vận dụng cao:**

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.
- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

### **2. Câu 2: Nghị luận văn học (5 điểm)**

#### **Lưu ý các tác phẩm sau**

- *Tuyên ngôn độc lập* – Hồ Chí Minh
- *Tây Tiến* – Quang Dũng
- *Việt Bắc* – Tố Hữu
- *Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh

#### **Yêu cầu:**

#### **Nhận biết:**

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.
- Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.

**Thông hiểu:**

- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...
- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam 1945 - 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

**Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.
- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.

**Vận dụng cao:**

- So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

# TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

## (Hồ Chí Minh)

### I. Tìm hiểu chung:

#### 1. Hoàn cảnh sáng tác:

- Sau khi CM 8/1945 thành công, Ngày 26 - 8 - 1945, Người từ chiến khu VB trở về HN. Tại nhà số 48 phố Hàng Ngang, người soạn TNĐL

- Ngày 2 - 9 - 1945, Người đọc TNĐL, khai sinh nước VNĐCC.

#### 2. Giá trị tác phẩm

- Tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, khẳng định chủ quyền.

- Là một áng văn chính luận mẫu mực.

#### 3. Bố cục

- **Phần 1:** Từ đầu đến “...không ai chối cãi được”

→ Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập.

- **Phần 2:** “*Thế mà, .... phải được độc lập*”

→ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

- **Phần 3:** Còn lại

→ Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

### II. Đọc – hiểu văn bản:

#### 1. Nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc (Cơ sở lí lẽ):

- Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ làm cơ sở pháp lí:

+ Tuyên ngôn độc lập của Mỹ

+ Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791

#### - Ý nghĩa:

+ Vừa **khôn khéo**: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ, chân lí của cha ông kẻ xâm lược.

+ Vừa **kiên quyết**: Dùng lập luận *Gậy ông đập lưng ông*, lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.

+ Ngâm gửi găm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau.

- Cách nói *suy rộng ra*, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các *dân tộc* trên thế giới:

→ Suy luận hợp lý, sáng tạo, đóng góp lớn về tư tưởng.

=> Mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kiên quyết: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*”.

#### 2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:

##### a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:

- **Lập luận** Theo lối phản đề, bác bỏ: “*thế mà*” và “*trái hẳn*”: Bẻ gãy từng luận điệu bịt bợm của Pháp.

=> TDP đã phản bội và chà đạp lên chính nguyên lí mà tổ tiên họ xây dựng.

##### - TDP nhân danh khai hóa, Bác đã vạch trần:

+ **Về chính trị**: không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào; thi hành luật pháp dã man...

+ **Về kinh tế**: bóc lột đến xương tủy, các thứ thuế vô lí...

+ **Văn hóa – xã hội – giáo dục**: lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện.

- **TDP hô hào « bảo hộ », Bác đã tố cáo**: Pháp hai lần bán nước ta cho Nhật (1940 quỳ gối đầu hàng, rước Nhật vào; 1945 bỏ chạy, hàng Nhật).

- **Pháp nhân danh Đồng minh để quay lại Đông Dương, Bác đã khẳng định**: Pháp phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật; không hợp tác với Việt Minh chống Nhật.

- **Pháp khẳng định Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Bác chỉ rõ**: ĐĐ thành thuộc địa của Nhật; ta giành chính quyền từ tay Nhật.

=> Giọng văn hùng hồn đanh thép; phép lặp được sử dụng triệt để, tạo những điệp khúc nhưc nổi => Tội ác thâm độc, chông chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.

=> Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.

### **b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:**

- Từ ngữ phủ định tuyệt đối để **tuyên bố**: “*thoát ly hẳn; xóa bỏ hết những hiệp ước; xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.*”

- Căn cứ vào những điều khoản, nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị Tê – hê - răng và Cừu Kim Sơn để buộc các nước Đồng minh: “*quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.*”

→ Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp... tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép => Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lý và công ước quốc tế.

### **3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:**

- Tuyên bố với thế giới về **nền độc lập** của dân tộc Việt Nam,

→ Những từ ngữ trang trọng: “*trịnh trọng tuyên bố*”, “*có quyền hưởng*”, “*sự thật đã thành*” vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lý.

- Bài tỏ **ý chí bảo vệ nền độc lập** của cả dân tộc.

→ Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm.

### **4. Nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục

- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm

- Giọng văn linh hoạt

### **3. Ý nghĩa văn bản**

- Là một văn kiện /sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền TD, ĐL của dt VN và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền ĐL, TD ấy.

- Kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.

- Là một áng văn chính luận mẫu mực.

**TÂY TIẾN**

*Quang Dũng*

## **I. Tìm hiểu chung**

### **1. Tác giả: (1921-1988)**

- Nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc...
- Một hồn thơ lãng mạn, tài hoa: Nhà thơ của *xứ Đoài mây trắng*, thơ giàu chất nhạc, họa.
- Tác phẩm tiêu biểu: *Mây đầu ô; Thơ văn Quang Dũng*.

## 2. Tác phẩm

### a. *Binh đoàn Tây Tiến:*

- Thành lập: đầu 1947.
- Thành phần: Thanh niên trí thức Hà Nội
- Nhiệm vụ: Bảo vệ biên giới Việt – Lào.
- Điều kiện sống gian khổ, thiếu thốn nhưng luôn lãng mạn, yêu đời với tinh thần “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”.

### b. *Xuất xứ:*

- Sáng tác tại Phù Lư Chanh (1948), khi Quang Dũng đã rời đoàn binh Tây Tiến.
- Tên lúc đầu: *Nhớ Tây Tiến*.

c. *Nội dung:* Nỗi nhớ về thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, dữ dội, vừa lãng mạn, thơ mộng, đồng thời tạc vào lịch sử bức tượng đài bất tử về những chiến binh quả cảm.

## II. Đọc hiểu văn bản

### 1. 14 câu đầu: Bức tranh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội và thơ mộng.

#### a. Hai câu thơ đầu khơi gợi cảm xúc chủ đạo của toàn tác phẩm:

\* **Câu 1:** Nhịp 4/3, chia 2 vế với sự hiện diện của cả miền Tây và binh đoàn Tây Tiến.

- Hình ảnh “Sông Mã”:
- + Con sông gắn với chặng đường hành quân, mọi vui buồn, mất mát của đời lính.
- + Là một cô nhân; một chứng nhân lịch sử, chứa đựng bao kỉ niệm về TT.
- Cụm từ “xa rồi”: Cảm xúc như chùng xuống, tất cả đã lùi xa, mờ đi, nỗi nhớ ùa về.
- Tiếng gọi *Tây Tiến ơi!*: da diết, băng khuâng.
- Điệp vần “*ơi – chơi – voi*” 3 thanh bằng mang âm hưởng vọng dài, ngân vang, lan tỏa.

\* **Câu 2:** Nỗi nhớ như ào ạt trào dâng:

- Điệp từ “nhớ” ở 2 đầu vế câu: nỗi nhớ càng thêm day dứt khôn nguôi.
- Vế đầu câu thơ chỉ đối tượng của nỗi nhớ: Nhớ về “rừng núi”: Là những cung đường hành quân quân gian nan; là nơi có đồng đội thân thương.
- Vế sau cụ thể hóa cho nỗi nhớ: *nhớ chơi voi*: Thanh không, gọi độ phiêu du, phù hợp để miêu tả một nỗi nhớ bồng bềnh, lơ lửng, chông chênh trong hoài niệm về TT.
- => Cảm hứng chủ đạo của hai câu thơ: nỗi nhớ trải dài, mênh mông, cồn cào, khắc khoải về những năm tháng không thể nào quên.

#### b. *Hồi tưởng về thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội và thơ mộng:*

- **Liệt kê các địa danh:** địa bàn hoạt động rất rộng, hoang vu.
- **Án tượng đầu tiên là kí ức về màn sương Tây Bắc:**
  - + Hình ảnh “Sương lấp”: Nhịp 4/3, trọng tâm dồn vào động từ “lấp”: Dày đặc, phủ mờ, tê buốt.
  - + Cụm từ “đoàn quân mới”: mệt mỏi, gian nan vô cùng.
- > Bút pháp hiện thực: cực tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên.
  - + Hình ảnh “hoa về trong đêm hơi”: đêm sương thành đêm hơi bồng bềnh; đuốc soi đường nhìn như những đóa hoa chập chờn, huyền ảo.
- => Bút pháp lãng mạn, thi vị hóa sự gian khổ.

#### - **Kí ức về những “đốc núi” hiểm trở: những câu thơ tuyệt bút.**

- + Các thanh trắc liên tiếp: tạo âm hưởng gập ghềnh, trắc trở của dốc núi.
- + Điệp từ “đốc”; nhịp 4/3: gợi sự trùng điệp, nối tiếp như vô tận. Câu thơ như bị bẻ đôi để tạo hình độ cao dựng đứng của dốc núi.
- + Các từ láy đặc sắc:

. “Khúc khuỷu”: Gợi sự gập ghềnh, gập khúc;

. “Thăm thẳm”: vừa cao vừa sâu hun hút.

. “Heo hút”: cao ngút ngàn, vắng vẻ.

+ Cụm từ “còn mây”: Mây chồng chất, dựng lên thành còn => dốc cao đến nỗi như lẫn vào mây, mây bao phủ trập trùng

+ Điệp ngữ “Ngàn thước” kết hợp phép đối “lên – xuống”: tạo nét gập đột ngột, dữ dội => Cực tả độ cao, độ sâu: Đường lên cao vun vút, đường xuống sâu thăm thẳm.

+ Hình ảnh “súng ngửi trời”: nhân hóa, Gợi độ cao khi người lính đi trong mây, mũi súng như chạm đỉnh trời. Đồng thời cho thấy tâm hồn trẻ trung, hóm hỉnh đầy chất lính, coi thường gian nan, thử thách.

=> Thiên nhiên vừa hiểm trở, vừa hùng vĩ cho thấy cung đường hành quân vô cùng gian nan, thử thách lòng quả cảm của các chiến binh TT.

### - **Kí ức về những màn mưa rừng:**

+ Cụm từ “nhà ai”: Phiếm chỉ, vừa gợi sự mơ hồ, xa xăm, thấp thoáng, vừa gợi cảm giác ấm áp, nhớ nhung xao xuyến.

+ Cụm từ “mưa xa khơi”: Nhạt nhòa, mờ mịt, tan loãng trong biển mưa.

+ Các thanh bằng liên tiếp kết hợp âm tiết mở gợi không gian mênh mông, huyền ảo.

=> Bút pháp lãng mạn đã thi vị hóa màn mưa rừng khốc liệt.

### - **Kí ức về sự hoang sơ, bí hiểm của núi rừng:**

+ Từ láy: *chiều chiều - đêm đêm*: Lặp lại miên viễn, vĩnh hằng, ngự trị muôn đời.

+ “*Thác gầm thét*”: ẩn dụ, thanh trắc, âm vực cao gợi tiếng thét dữ dội, man dại của thác nước.

+ “*Muòng Hịch cộp trêu người*”: thanh trắc, âm vực thấp, dấu nặng liên tiếp gợi bước chân nặng nề của thú dữ, sự âm u, bí hiểm đầy đe dọa của núi rừng.

=> Thiên nhiên hoang sơ đầy bí hiểm càng tôn thêm sự hào hùng, mạnh mẽ, lòng can trường của các chiến binh.

=> Bút pháp lãng mạn và hiện thực kết hợp hài hòa. Những cung đường hành quân gian khổ nhưng đầy thơ mộng.

### c. **Hồi tưởng về hình ảnh đoàn quân**

- *Dãi dẫu*: thể hiện tất cả những vất vả, nhọc nhằn khi hành quân qua núi cao, vực sâu, thác ghềnh dữ dội.

- Cụm từ “*không bước nữa; gục lên súng mũ; bỏ quên đời*”:

+ Hình ảnh người lính buông mình vào giấc ngủ phong trần, mệt nhọc nhưng vô tư, trẻ trung.

+ Hiện thực đau xót: kiệt sức, nằm lại nơi rừng sâu.

+ Cách nói chủ động “không bước nữa/bỏ quên đời”: Gợi sự ngang tàng, kiêu bạc. Cách nói bi nhưng không lụy, ra đi nhẹ nhàng, thanh thản.

=> Hiện thực khắc nghiệt được nói bằng cách nói rất lãng mạn, hào hùng => Tinh thần dũng cảm, sẵn sàng đương đầu thử thách.

### d. **Hồi tưởng về những kỉ niệm ấm áp nghĩa tình:**

- *Nhớ ôi*: Nỗi nhớ trào dâng mãnh liệt về miền Tây, về bản làng Mai Châu.

- Hình ảnh: *Cơm lên khói; thơm nếp xôi*: nên thơ, ấm áp khói lam chiều, ngọt ngào tình quân dân.

- Thanh bằng: âm điệu nhẹ nhàng, gợi cảm giác bông bênh, xao xuyến ngất ngây trong tâm hồn những chàng trai Hà Thành.

=> *Bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn, cực tả, đối lập*. Hình ảnh Tây Tiến hiện lên vừa dữ dội, vừa nên thơ, cho thấy cung đường hành quân của các chiến sĩ vô cùng gian nan, cực khổ, đầy nguy hiểm rình rập.

## 2. **Đoạn 2: (Câu 15 – 22): Những kỉ niệm ấm áp, thân tình**

### a. **Cảnh đêm liên hoan văn nghệ:**

**- Câu thơ mở đầu thổi bùng lên không khí của lễ hội:**

+ Không gian “doanh trại”: Thu hẹp, là không gian âm áp, sum vầy của anh em đồng chí.

+ Hình ảnh *hội đuốc hoa*: cách nói lãng mạn khiến ánh lửa bập bùng nơi đóng quân thành đuốc hoa thi vị, tinh tú. Đêm liên hoan gọi người đọc liên tưởng tới lễ cưới.

+ Cụm từ *bùng lên*:

+ Bùng lên bởi ánh sáng chói lòa của đuốc xua đi cái lạnh lẽo của núi rừng;

+ Thổi bùng lên ngọn lửa của niềm vui trẻ trung, yêu đời, rạo rức trong lòng người chiến sĩ. Đêm liên hoan thành đêm hội.

**- Hình ảnh trung tâm của hội đuốc hoa là những cô gái:**

+ Cụm từ “*kìa em*”: cảm xúc vừa ngỡ ngàng thú vị, vừa ngưỡng mộ, trầm trồ trước sự xuất hiện của các cô gái.

+ Cụm từ “*xiêm áo; e áp*”: bút pháp mỹ lệ hóa, gọi vẻ đẹp lộng lẫy, e ấp, dịu dàng.

**- Các chàng trai ngây ngất trong vũ khúc hoang sơ của núi rừng:**

+ Cụm từ “*khèn lên man điệu*”: âm thanh ngọt ngào cùng với những vũ khúc hoang sơ vừa uyển chuyển vừa mê hoặc lòng người.

+ Các thanh bằng liên tiếp: Gọi cảm giác chơi vui, mơ màng, phiêu diêu trong tâm hồn những người chiến sĩ.

=> Mọi gian khổ tiêu tan nhường chỗ cho những tiếng cười đùa thư giãn, ngây ngất trước cảnh và người.

**b. Cảnh sắc thiên nhiên và con người miền Tây:**

**\* Mở đầu là không gian của một chiều sương, bảng lảng như trong cõi mộng:**

- “*Người đi*”: Mượn h/ả người đi để hướng lòng mình về vùng đất của hoài niệm, nhớ thương.

- “*Chiều sương ấy*”: Gọi không gian quen thuộc của miền Tây, mơ hồ, hư ảo, vấn vương nỗi nhớ thương, luyến tiếc. Từ “*ấy*” gọi cảm giác xa vời nhưng xác định – đó là 1 buổi chiều đặc biệt trong lòng kẻ ở - người đi.

**\* Nhà thơ cất lên những câu hỏi day dứt, băng khuâng.**

- **Câu 1 hướng vào cảnh: “*Hồn lau*”:** (không phải *hàng lau, bờ lau*). H/ả ẩn dụ, gọi một không gian quạnh vắng, mênh mông. Nỗi buồn của người đi như khuếch tán vào cảnh vật, vì vậy, hàng lau phơ phất như có hồn, như mang tâm trạng.

- **Câu 2 hướng vào người: *dáng người trên độc mộc*:** gọi vẻ cứng cỏi, kiên cường trên con thuyền băng băng vượt qua thác lũ.

- **Điệp ngữ “*có thấy – có nhớ*”:** Luyến láy như chạm khắc vào lòng người một nỗi nhớ cháy bỏng, khôn nguôi.

- Hình ảnh *hoa đong đưa*: Cách dùng từ độc đáo. *Đung đưa* là chuyển động cơ học, còn “*đong đưa*” gọi vẻ duyên dáng, tinh tú. Cảnh hoa rừng như thực thể mang tâm trạng đang làm duyên, làm dáng, quyến luyến con người.

=> Một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, tài hoa. Chất thơ, chất nhạc, chất mộng mơ kết hợp hài hòa đã vẽ lên khung cảnh miền Tây thật thơ mộng, hữu tình.

**3. Câu 23 – 30: Bức tượng đài bi tráng về người lính TT.**

**\* *Chân dung*: Không mọc tóc; Xanh màu lá**

- Ngụy trang bằng lá rừng để đánh giáp lá cà.

- Trang phục màu xanh.

- Hậu quả của bệnh sốt rét rừng.

=> Một diện mạo khác thường, tiêu tụy, xanh xao, gầy ốm vì bệnh tật, thiếu thốn.

+ *Dữ oai hùng*: Ngời lên vẻ dữ dội, kiêu hùng, uy nghi tựa chúa tể rừng xanh.

=> Bút pháp tả thực những gian khổ nhưng nghiêng về ca ngợi vẻ đẹp phi thường và phẩm chất can trường, mạnh mẽ không gì tàn phá nổi của các chiến binh.



**\* Tâm hồn:**

+ *Mắt trừng - mộng*: Nhìn thẳng, quyết tâm, ngời lên ý chí chiến đấu và mộng đánh tan quân thù, mộng lập được chiến công.

+ *Đêm mơ - dáng kiều thơm*: Chất lãng mạn, trái tim khao khát, rạo rực yêu thương.

→ Mộng mơ, lãng mạn, đa tình. Tình cảm riêng chung hài hòa.

**\* Sự hi sinh:**

**- Câu 1: Tả thực về cái chết:**

+ Nhịp 4/3, trọng tâm rơi vào chữ “mồ”, âm vực thấp: Gợi cảm giác trầm buồn, âm đạm, chết chóc.

+ Từ láy “rải rác”: Đảo ngữ, gợi sự thừa thớt, nối tiếp nhau.

+ *Biên cương; viễn xứ*: xa xôi, quanh vắng, lạnh lẽo.

=> Bút pháp tả thực, gợi ra sự mất mát, hi sinh đầy đau xót.

**- Lí tưởng và sự ra đi của người lính khiến đoạn thơ đậm chất bi tráng, hùng ca:**

+ Hàng loạt từ Hán Việt: *biên cương, viễn xứ, chiến trường, áo bào*: gợi sự trang trọng, thiêng liêng, thành kính.

+ *Đời xanh*: ẩn dụ chỉ tuổi trẻ, thanh xuân tươi đẹp.

+ *Chặng tiến*: Lí tưởng cao cả, khí phách kiên cường, quyết tâm hiến dâng cho tổ quốc.

=> Phảng phất hình ảnh những tráng sĩ thời xưa.

- *Hình ảnh “áo bào thay chiếu”*: Bút pháp lãng mạn đã biến tấm quân phục sòn rách thành tấm áo bào trang trọng.

=> Làm dịu bớt nỗi đau mất đồng đội, hàm chứa niềm tôn kính, biết ơn và tôn vinh sự ra đi của đồng đội.

- Cách nói “về đất” làm giảm đi cái bi thương và biến cái chết thành sự hoá thân - ngã vào lòng đất mẹ, hóa thành máu thịt quê hương. Vì lí tưởng quên mình, xả thân vì Tổ quốc.

- *Hình ảnh “Sông Mã gầm lên”*: âm thanh vừa dữ dội vừa hào hùng đầy bi phẫn, xót xa, tiếc nuối.

- *Khúc độc hành*: vừa mạnh mẽ, hùng tráng, vừa phảng phất âm hưởng cô đơn, ngậm ngùi, đơn độc.

→ Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn, giọng thơ mạnh mẽ, dứt khoát. Đoạn thơ như một bản hùng ca bi tráng, tạc vào lòng người bức tượng đài bất tử về những con người anh hùng, chói ngời vẻ đẹp lý tưởng, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

**4. Bốn câu cuối: Lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây**

**- Hình ảnh “Người đi – không hẹn ước”:**

+ Những chiến binh ra đi không hẹn ngày trở về.

+ Chia xa Tây Tiến, không biết bao giờ gặp lại.

**- Hai câu cuối:**

+ Tâm nguyện thủy chung: Tâm hồn mãi hướng về miền Tây đầy kỉ niệm.

+ Nỗi xót xa khi nhắc tới đồng đội đã hi sinh, linh hồn, thân xác họ vĩnh viễn ở lại với miền Tây - > xót thương.

→ Nhịp thơ chậm, giọng thơ buồn nhưng vẫn toát lên vẻ hào hùng.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn, bi tráng, hùng ca.

- Sử dụng ngôn từ đặc sắc: từ địa danh, từ tượng hình...

- Kết hợp chất nhạc và họa.

**2. Nội dung:** Bức tượng đài nghệ thuật bi tráng về tập thể người lính TT, tiêu biểu cho những người lính thời kỳ chống Pháp.

# VIỆT BẮC

## (Tố Hữu)

### I/ Tìm hiểu chung

#### 1/ Tác giả:

- Nhà thơ của lí tưởng cộng sản, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng. Các chặng đường thơ của Tố Hữu luôn song hành cùng các chặng đường cách mạng.
- Phong cách thơ: mang đậm chất trữ tình chính trị, thiên về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, thơ đậm đà tính dân tộc.

#### 2/ Tác phẩm:

\* **Hoàn cảnh ra đời:** Tháng 10 năm 1954 (nhân sự kiện những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, TƯ Đảng và Chính phủ rời chiến khu VB về lại thủ đô).

#### \* **Đoạn trích Việt Bắc:**

- Vị trí: Phần đầu của bài thơ.
- Nội dung: Tái hiện những kỉ niệm về cách mạng và kháng chiến. Đoạn trích không chỉ là bản tình ca mà còn là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và con người.

#### \* **Tâm trạng cảm xúc và Kết cấu bài thơ**

- **Sáng tạo trong hoàn cảnh đặc biệt:** Cuộc chia tay đầy lưu luyến, bịn rịn.
- **Kết cấu:** Hình thức đối đáp quen thuộc trong ca dao: mở ra bao kỉ niệm nhớ thương; âm điệu ngọt ngào.
- Lối xưng hô *ta – mình*: thân thiết, gắn bó.

### II. Đọc - hiểu

#### 1. Tám câu đầu: Khung cảnh, tâm trạng buổi đưa tiễn:

##### 1.a: **Bốn câu thơ đầu: Niềm trăn trở của người ở lại:**

+ Người ở lại lên tiếng trước: Phù hợp quy luật tâm lý, hụt hẫng, nhạy cảm trước hoàn cảnh đổi thay.

+ Hai câu hỏi tu từ lặp lại da diết: Lời nhắc nhở khéo, cũng là cơ hội dãi bày tình cảm.

+ Xưng hô *ta - mình*: thân thiết, gần gũi của đôi lứa.

+ Điệp ngữ "*có nhớ*": da diết, miên man không thể nguôi ngoai.

+ Thời gian: Mười lăm năm ấy: thời gian dài gắn bó, chia ngọt sẻ bùi.

+ Không gian: núi, nguồn: cái nôi đã chở che cho cách mạng.

→ Lời nhắn nhủ với người ra đi đừng quên Việt Bắc.

##### 1.b: **Bốn câu thơ sau: Lời người ra đi**

- Người ở lại: *tha thiết*.

- Người đi: *Bâng khuâng, bồn chồn*: thấu hiểu người ở lại, cũng xao xuyến, bịn rịn, nôn nao không kém.

=> Sự hô ứng, đồng vọng trong tình cảm: cả hai đều lưu luyến, không rời.

- Hoán dụ *áo chàm*: biểu tượng văn hóa của đồng bào VB => Gọi tấm lòng chân thành, mộc mạc, thủy chung.

- Cụm từ *phân li*: xót xa, luyến tiếc.

- Hành động: cầm tay, không biết nói gì: thân tình, cái nắm tay xiết chặt tình quân dân.

→ **Cảnh đưa tiễn bịn rịn, đầy nghĩa tình.**

#### 2. 82 Câu còn lại: Nỗi nhớ về cảnh, người, cuộc sống sinh hoạt, chiến đấu nơi núi rừng Việt Bắc:

##### a. Câu 9 – 20: Tiếp nối nỗi niềm người ở lại.

- Các câu hỏi tu từ lặp đi lặp lại: âm điệu dồn dập, nỗi nhớ như trào dâng.

- Nhắc lại những kỉ niệm:

+ Thiên nhiên khắc nghiệt: *mưa nguồn suối lũ, mây mù*:

+ Con người:

- Cuộc sống gian khổ, hiu quạnh: *miếng cơm chấm muối; hắt hùi lau xám.*
- Ân nghĩa, thủy chung, son sắt: *đậm đà lòng son...*
- Hình ảnh “*trám bụi để rụng, măng mai để già*”: Sản vật quen thuộc, quý giá của núi rừng: Cuộc sống như ngưng trệ, hững hờ, trống trải mênh mông.
- Câu thơ “*mình đi mình có nhớ mình*”: sự hòa nhập, gắn kết đầm thắm không thể chia xa. Lời nhắc nhở đầy nghiêm nghị, sâu sa: đừng đánh mất bản thân, đừng quên quá khứ.

+ Những thời điểm; địa danh làm căn cứ của CM.

=> **Vẻ đẹp ngời sáng của người dân VB: Nghèo khổ nhưng sắt son, nghĩa tình với cách mạng.**

**b. Câu 21-24: Tiếp tục khẳng định nỗi nhớ của người đi.**

- Ta với mình – mình với ta: Phép lặp đan xen, thể hiện sự quấn quýt, giao hòa.
- “*sau trước*”: thủy chung + thời gian trước sau như một, không thay đổi.
- “*đình ninh*”: Bền chặt mãi theo thời gian.
- “*Mình lại nhớ mình*”: thể hiện sự gắn kết khăng khít + lời thề không bao giờ đánh mất bản thân, quên quá khứ.

- Hình ảnh “*nguồn bao nhiêu nước...nhiều*”: Mức độ của nỗi nhớ: đầy ắp, vô biên.

=> **Sự thủy chung son sắt của người ra đi.**

**c. Câu 25 – 30: Nhớ vẻ đẹp thơ mộng của núi rừng Việt Bắc:**

- Cả ba cặp câu lục bát đều bắt đầu bằng từ “*nhớ*”: sâu sắc.
- So sánh “*như nhớ người yêu*”: mức độ cao nhất, ngọt ngào, đầm thắm, mãnh liệt.
- Hình ảnh: *nắng chiều; bản khói cùng sương*: VB mơ màng, huyền ảo.
- Hình ảnh “*sớm khuya bếp lửa...về*”: nồng đượm ân tình.
- Hình ảnh ngòi Thia, sông Đáy...: Những địa danh từng gắn bó.

=> **Bộc lộ nỗi nhớ da diết, sâu đậm của người đi về một VB thơ mộng đầy nghĩa tình.**

**d. Câu 31 – 42: Nỗi nhớ về cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến:**

- Quá khứ gian truân nhưng đậm nghĩa tình:
  - + *Sắn lùi, bát cơm sẻ nửa; chăn sui*: Gian khổ, thiếu thốn, đói rét.
  - + *Thương; sẻ; chia; đắp cùng*: Tình yêu thương, gắn bó làm nên sức mạnh của sự đoàn kết.
- Cuộc sống gian khổ, cơ cực:
  - + *Nắng cháy lưng*: chói chang, gay gắt.
  - + *Địu; lên; bẻ từng*: vất vả, cực nhọc.
- Nhớ những kỉ niệm ấm áp:
  - + *Lớp học i tờ*: Bình dân học vụ, xóa mù chữ.
  - + *Những giờ liên hoan*: Thắm tình quân dân.
- Nhớ những âm thanh rất đặc trưng của miền núi: *Tiếng mõ rừng chiều; chày đêm nện cối*: yên bình, êm ả.

**e. Câu 43 – 52: Bộ tranh tứ bình về thiên nhiên Tây Bắc:**

\* **Hai câu đầu: Cảm xúc chủ đạo**

- Câu hỏi tư từ kết hợp âm tiết mở *a – oa*: Mênh mang, sâu lắng.
- *Hoa cùng người*: Người đi mang theo nỗi nhớ về thiên nhiên và con người VB.

=> Thiên nhiên – con người đan xen, hài hòa trong nỗi nhớ của người đi.

\* **Mùa đông:**

- Thiên nhiên:

- + Không gian: Rừng xanh, đèo cao: ngút ngàn, vời vợi xanh.
- + Màu sắc: Phối màu tinh tế:
  - Nền xanh bao la, ngút ngàn.
  - Điểm xuyết *đỏ tươi*: ấm áp, chói chang, xua đi cái lạnh lẽo của mùa đông.

- Con người:
- + *Đèo cao*: Tư thế làm chủ, chinh phục.
- + *Nắng ánh*: Lóa lên, hội tụ ánh sáng.
- + *Dao gài thắt lưng*: Lao động cần mẫn, khỏe mạnh.
- => Đông âm áp, tràn đầy sức sống.

**\* Mùa xuân:**

- Thiên nhiên:
- + *Mơ*: Đặc trưng của núi rừng Việt Bắc.
- + *Nở*: Sinh sôi, nảy nở, tràn trề sức sống.
- + *Trắng rừng*: bạt ngàn, thanh tân, tinh khiết.
- Con người: *chuốt từng sợi...*: cần mẫn, tinh tế, tỉ mỉ.
- => Xuân tinh khôi, thanh bình.

**\* Mùa hè:**

- Thiên nhiên:
- + *Âm thanh ve kêu*: đặc trưng của mùa hè; rộn rã, náo nức.
- + *Màu sắc đỏ vàng*: Động từ mạnh ‘*đỏ*’: chuyển biến nhanh, đột ngột: Lộng lẫy, kiêu sa.
- Con người:
- + *Cô em gái*: Thân thương, trù mến.
- + *Hái măng một mình*: điệp vần và âm gợi sự du dương, giàu nhạc điệu: Chịu thương, chịu khó.
- => Hè rực rỡ, kiêu sa.

**\* Mùa thu:**

- Thiên nhiên:
- + *Rọi*: động từ mạnh: ánh sáng ngập tràn không gian.
- + *Hòa bình*: Thanh bình, yên ả.
- Con người: *Tiếng hát ân tình thủy chung*: Khúc ân tình ngọt ngào, sâu lắng.
- Cuộc sống của con người VB hiện lên với những nét thanh bình, êm ả nhưng cũng rất nghèo khó, cơ cực. Đẹp nhất là nghĩa tình con người: cùng san sẻ gian khổ, niềm vui, nghĩa tình càng đẹp trong cuộc sống gian nan.

**f. Câu 53 – 90: Khung cảnh Việt Bắc thời kháng chiến:**

**\* Câu 53 – 62: Bức tranh kì vĩ trong những ngày Việt Bắc đánh giặc.**

- *Ta cùng đánh Tây*: Chúng ta: chung sức đồng lòng.
- *Rừng giăng; rừng che; rừng vây*: Hiểm trở như thiên la địa võng của thiên nhiên. Nghệ thuật nhân hóa cho thấy sự góp sức của núi rừng.
- *Đất trời... một lòng*: Đoàn kết, chung lòng vì nghĩa lớn.
- Điệp từ “*nhớ*” + các địa danh gắn với các trận đánh lớn: Nhịp dồn dập, khí thế, phấn khích.

**\* Câu 63 – 74: Việt Bắc trong những đêm ra trận.**

**- Câu 63 – 64: Khí thế chung**

- + *Đường VB – của ta*: niềm kiêu hãnh, tự hào
- + Từ láy *đêm đêm*: thời gian liên tục, tiếp nối – không hề có cảm giác mệt mỏi, 3 phụ âm R “*rầm rập – rung*”: khí thế hào hùng, mặt đất rung chuyển

**- Câu 65 – 66: Đoàn quân ra trận**

- + Ngắt nhịp 2/2/2: dồn dập, mạnh mẽ; không khí thần kì của dân tộc.
- + Từ láy *điệp điệp trùng trùng*: lực lượng hùng hậu, đông đảo, người người lớp lớp (bộ đội, dân quân, cơ giới).

+ *Ánh sao đầu súng*: ẩn dụ, hình ảnh vừa hiện thực – vừa biểu trưng cho lí tưởng cách mạng.

**- Câu 67 – 68: Đoàn dân công**

+ *Đỏ đuốc từng đoàn*: lực lượng đã góp phần rất lớn cho chiến thắng. Họ đốt đuốc đi trong đêm, màu đỏ của ngọn đuốc + màu đỏ của trái tim nhiệt huyết.

+ *Bước chân nát đá*: nói quá + thanh trắc gợi âm điệu hào hùng, sức mạnh phi thường của lực lượng dân công.

→ Tư thế hùng dũng, hiên ngang, tạo nên sức mạnh tổng hợp như vũ bão rất đáng trân trọng, khâm phục.

### - **Câu 69 -70: Tổng kết quá khứ, hướng tới tương lai**

+ *Số từ nghìn đêm*: biểu trưng cho những năm tháng nô lệ.

+ *Thăm thẳm + sưng dầy*: vất vả, gian lao, khó khăn chồng chất.

+ *Đèn pha bật sáng...lên*: loại đèn chiếu xa, lực lượng cơ giới => tương lai tươi sáng huy hoàng.

### - **Câu 71 – 74: Niềm vui chiến thắng:**

- Nhiều địa danh: chiến thắng ko phải từ 1 mà rất nhiều vùng miền liên tiếp, dồn dập báo về.

- Điệp từ *vui*: tiếng reo vui tràn ngập mọi nẻo đường.

## **III. Tổng kết:**

### **1. Nghệ thuật**

Bài thơ đậm tính dân tộc, tiêu biểu cho hồn thơ Tố Hữu: thể thơ lục bát, cấu trúc đối đáp, lối xưng hô *ta - mình*, ngôn từ mộc mạc mà giàu sức gợi.

**2. Ý nghĩa:** Việt Bắc là bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến và là bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

## **ĐẤT NƯỚC**

(Nguyễn Khoa Điềm)

### **I. Tìm hiểu chung**

#### **1. Tác giả**

- Thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Thơ giàu chất trí tuệ, suy tư, cảm xúc dồn nén, giọng thơ mang màu sắc trữ tình chính luận.

#### **2. Tác phẩm**

- Trường ca *Mặt đường khát vọng* được hoàn thành 1971 ở chiến khu Trị - Thiên. Đoạn trích *Đất Nước* thuộc chương V của bản trường ca và cũng chính là chương đặc sắc nhất bộc lộ tư tưởng cốt lõi của tác phẩm: tư tưởng *Đất Nước của Nhân Dân*.

- Đặt trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, bài thơ là lời động viên thế hệ trẻ hãy đứng lên vì sứ mệnh chung của cả dân tộc.

### **II. Đọc hiểu văn bản:**

#### **1. Phần 1: 42 câu đầu: Cách cảm nhận mới mẻ về quá trình hình thành, phát triển của Đất Nước.**

##### **a. 9 câu đầu: Cội nguồn Đất Nước (Đất Nước có từ bao giờ?)**

\* **Thời gian:** *Khi ta lớn lên - Đất nước đã có rồi; Ngày xưa ngày xưa:*

- Từ *"ta"*: Từ thời cha ông, tổ tiên đến thế hệ chúng ta.

- *Đã có rồi*: từ rất lâu đời, trường tồn qua nhiều thế hệ.

##### \* **Đất Nước hiện hữu trong:**

##### - **Những phong tục, văn hóa lâu đời:**

+ Những câu chuyện cổ tích *"mẹ thường hay kể"*: Những sự tích thuở khai thiên lập địa; lời hát ru ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn.

+ *Miếng trầu*: nét văn hóa riêng của người Việt; miếng trầu là đầu câu chuyện; là biểu tượng của tâm linh; biểu tượng của tình yêu gắn bó xuyên suốt 4000 năm văn hiến.

+ *Tóc mẹ thì bới sau đầu*: Vẻ đẹp thuần hậu, chất phác của người phụ nữ Việt Nam.

- **Truyền thống đánh giặc giữ nước:** *Trồng tre đánh giặc:* Sự tích Thánh Gióng  
⇒ Biểu tượng của ý chí kiên cường, bền bỉ trong đấu tranh.
  - Gắn với những sự vật **bình dị, gần gũi trong cuộc sống:** *Cái kèo, cái cột...*
  - Gắn với **vất vả gian nan:** *một nắng hai sương.*
  - Gắn với những con người **sống ân tình thủy chung:** *gừng cay muối mặn.*
  - Những cụm từ: *có trong, bắt đầu; lớn lên; có từ:* Gọi quá trình trưởng thành của đất nước.
  - Từ ngữ “*Đất Nước*” được viết hoa -> Tình cảm yêu thương, trân trọng.
- ⇒ Ngôn từ đậm chất dân gian, sử dụng nhiều thành ngữ, ca dao. Giọng thơ thâm trầm tha thiết trữ tình. Đất Nước là những gì gần gũi, giản dị, thân thương nhất.

## b. Câu 10 – 29: Đất Nước là gì?

### \* Không gian địa lý:

- Đất Nước được tách thành 2 thành tố: *Đất - Nước* → với lối chiết tự này, tác giả đã cụ thể hóa Đất Nước.

- **Gần gũi, gắn bó với mỗi cá nhân:** không gian sự sống - tình yêu: Đó là con đường đến trường, là bến nước quê hương, là không gian ngọt ngào của tình yêu đôi lứa.

- **Không gian địa lí mênh mông:** *núi bạc, biển khơi.* Nhà thơ đã lấy nguyên văn 2 câu hát dân ca của xứ Huế để vẽ lên 1 bức tranh Đất Nước, gọi liên tưởng đến rừng xanh và biển sâu, rừng vàng và biển bạc.

- **Với tập thể:** không gian sinh tồn của cả cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ: *nơi dân mình đoàn tụ, Những ai đã khuất - bây giờ, gánh vác, dặn dò con cháu...*

### \* Thời gian:

- **Thời gian quá khứ:** câu chuyện huyền thoại về bà Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng là một hình ảnh tuyệt đẹp để tác giả lí giải về cội nguồn sâu xa thiêng liêng của Đất Nước, là cội nguồn của câu tục ngữ *Con một cha, nhà một nóc.* Nhà thơ đánh thức lòng yêu nước và tự hào về dòng máu Lạc Hồng, về dòng giống con rồng cháu tiên.

- **Đến thời gian hiện tại:** gắn bó đời người: *yêu nhau, sinh con, dặn dò ...*

+ Hành động *cúi đầu* thể hiện sự thành kính, ngưỡng vọng, thiêng liêng hướng về quá khứ dân tộc, về cội nguồn Đất Nước.

+ Nhớ đến lời cha ông ngày trước dặn dò con cháu:

*Dù ai đi ngược về xuôi*

*Nhớ ngày giỗ tổ mùng 10 tháng 3*

→ Sử dụng yếu tố dân gian + tư duy trữ tình triết luận, Đất Nước được cảm nhận như sự thống nhất các phương diện lịch sử, địa lí, văn hóa, phong tục. Sự gắn bó giữa cái *riêng - chung, cá nhân - dân tộc, thế hệ này - thế hệ khác, hàng ngày - vĩnh hằng.* Và kết tinh: Đất Nước hóa thân trong mỗi con người.

## c. Câu 30 – 42: Đất Nước và trách nhiệm của mỗi người

*Trong anh và em hôm nay*

...

*Làm nên ĐN muôn đời*

- **Đất Nước có trong tình yêu đôi lứa:** *Khi hai đứa cầm tay* nghĩa là khi *anh* và *em* hòa hợp, gắn bó yêu thương thì Đất Nước sẽ trở nên tươi thắm, đẹp hơn.

⇒ Thể hiện tư tưởng tình yêu lứa đôi nằm trong hạnh phúc của cộng đồng, là cơ sở của tình yêu Đất Nước.

- **ĐN là sự kết tinh của tình đoàn kết và yêu thương:** (*hai đứa - cầm tay mọi người*).

- Niềm tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của ĐN (*mang ĐN đi xa... mơ mộng*)

+ *Mai này* : giọng thơ sâu lắng thiết tha khi nói đến sự kì vọng vào vào thế hệ trẻ

+ *Con ta* cách gọi thân thiết yêu thương với tất cả lớp thanh niên trẻ sinh ra sau này.

+ *Con ta lớn lên* – thể hiện niềm tin của nhà thơ về sự lớn lên thể chất và quan trọng hơn là về trí tuệ, bản lĩnh của nhân dân trên hành trình lịch sử *mang Đất Nước đi xa*.

**- ĐN kết tinh hoá thân vào cuộc sống con người:**

+ *Máu xương của mình*: là sinh mệnh của mình, phải quý, phải giữ gìn

+ *Phải gắn bó và san sẻ*: phải đoàn kết, góp sức, có trách nhiệm, thậm chí hi sinh cái riêng hoà vào cái chung

→ Lời nhắn nhủ, không giáo huấn khô khan mà chân thành. đó không phải là những lời hô hào suông mà là mệnh lệnh phát ra từ trái tim của người thanh niên trí thức yêu nước nhận thức rõ xứ mệnh lớn lao của thế hệ mình đối với ĐN, ND. Đặt trong bối cảnh lúc bấy giờ, thì đây là tiếng nói có sức cổ vũ, khích lệ tuổi trẻ miền Nam xuống đường đánh Mĩ.

**2. Phần 2: Đất Nước của Nhân dân (Ai đã làm nên Đất Nước?).**

**\* Cách nhìn mới mẻ, có chiều sâu về địa lí, danh lam thắng cảnh:**

- Khắp mọi miền đất nước ta, ở đâu cũng có những danh lam thắng cảnh → Đó là cái nhìn theo chiều dài lịch sử và chiều sâu văn hoá dân tộc.

- Núi ấy, hòn ấy là do *vợ nhớ chồng*, hoặc *cặp vợ chồng yêu nhau* mà đã *góp cho, góp nên*. Nó là biểu tượng cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam.

- *Những người dân... Ông Đốc...*: họ đã đem mồ hôi, xương máu bặt rừng, lặn biển, đào kênh, bắt sấu... → ca ngợi đức tính cần cù, siêng năng, dũng cảm trong lao động sáng tạo của nhân dân, là niềm tự hào và biết ơn Đất Nước cùng Nhân Dân.

+ Ruộng đồng gò bãi đều mang theo “*một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha*” → in đậm dấu ấn tâm hồn, phong cách, ước mơ, hoài bão của ông cha ta.

→ Những cảnh quan thiên nhiên chỉ trở thành thắng cảnh một khi gắn liền với đời sống dân tộc.

**\* Cách nhìn về lịch sử 4000 năm Đất Nước:**

- **Không ca ngợi các triều đại anh hùng mà hướng về những con người vô danh**, bình dị (*Con gái, con trai, cần cù, khi có giặc...*)

- **Nhân dân tạo nên mọi giá trị văn hoá, văn minh, tinh thần**, vật chất truyền lại cho các thế hệ mai sau: *Hạt lúa, ngọn lửa, giọng nói, tên làng, tên xã...*

+ *Hạt lúa*: biểu tượng cho giá trị vật chất, cho nền văn minh lúa nước, cho hạt mầm của ngày hôm qua để con cháu hôm nay gặt hái.

+ *Họ còn truyền lửa*: ngọn lửa của văn minh, của sự sống, của tinh thần bất khuất, của sự ám áp tin yêu.

+ Nhân Dân còn truyền lại cho ta giá trị tinh thần ngàn đời của Đất Nước: *giọng điệu mình*.

- **Nhân dân đóng vai trò chủ thể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Đất Nước**. Họ đánh đuổi giặc ngoại xâm và nội thù để giữ gìn độc lập, tự do; nhân dân còn là người mở mang bờ cõi, viết tiếp những trang sử hào hùng của dân tộc, làm nên những thành quả để lưu giữ và truyền lại cho con cháu mai sau.

**\* Một Đất Nước của ca dao - thần thoại, của những vẻ đẹp tâm hồn:**

- Lời khẳng định “*Đất Nước của Nhân Dân*”: Cách viết hoa trang trọng: Khẳng định công lao to lớn của nhân dân: Do nhân dân xây dựng, gìn giữ, bảo vệ. Vì vậy, Đất Nước này phải thuộc về nhân dân.

- *Đất Nước của ca dao thần thoại*: Nơi lưu giữ văn hóa, vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của dân tộc Việt.

- Những bài học nghĩa tình:

+ Say đắm, chung thủy, son sắt trong tình yêu: *Yêu em từ thuở trong nôi*

+ Biết quý trọng tình nghĩa, biết cách làm người: *Biết quý công cầm vàng*

+ Quyết liệt trong chiến đấu và lòng kiên trì: *Biết trồng tre đợi ngày thành gậy*

- Khúc ca ngọt ngào về Đất Nước: Khúc ca của lao động, của tình yêu xứ sở, là nền tảng xây dựng một Đất Nước giàu đẹp.

= Lấy ý từ các câu ca dao, tục ngữ. Tư tưởng “*Đất Nước của nhân dân*” đã xuất hiện từ xưa như Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu. Đến thời chống Mĩ, tư tưởng ấy một lần nữa được nhận thức sâu sắc thêm bởi vai trò của nhân dân trong kháng chiến ác liệt.

### III. Kết luận

- Một cách cảm nhận mới mẻ về đất nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc VN.

- Tác giả tạo ra không khí, giọng điệu riêng đưa ta vào thế giới của văn hóa dân gian nhưng lại mới mẻ qua cách tư duy hiện đại, thể thơ tự do.

- Giọng thơ liền mạch, tuôn trào cảm xúc. Giọng chính luận nhưng không giáo huấn, triết lí mà tình cảm nồng thắm, với cách diễn đạt giàu sức gợi.

## SÓNG

(Xuân Quỳnh)

### I. Giới thiệu chung

#### 1. Tác giả:

- Xuân Quỳnh (1942 - 1988), nữ thi sĩ xuất sắc của thơ ca hiện đại Việt Nam, trưởng thành trong thời kỳ chống Mỹ.

- Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.

- Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương khao khát vọng hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều lo âu, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

#### 2. Tác phẩm:

- Sáng tác 1967, in trong tập “*Hoa dọc chiến hào*”- 1968

- Bài thơ:

+ Thể thơ 5 chữ, nhịp điệu: âm hưởng dạt dào, nhịp nhàng của các con sóng liên tiếp, triền miên: lúc tràn lên sôi nổi, lúc lắng xuống dịu êm.

+ Bao trùm bài thơ là hình tượng “sóng” gắn liền với “em” - sóng là hoá thân của em, là hình ảnh ẩn dụ của tâm trạng người con gái đang yêu.

- Nội dung: Những cung bậc cảm xúc và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu.

### II. Đọc hiểu văn bản:

#### 1/ Sóng và em – những nét tương đồng:

##### \* Khổ 1:

- Hai câu đầu: Những cung bậc của sóng:

*Dữ dội - dịu êm; ồn ào - lặng lẽ:*

Những tính từ tương phản, đối xứng để miêu tả trạng thái đối lập của sóng.

=> Liên tưởng đến tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt, khi dịu dàng, sâu lắng).

- Hai câu sau: Hành trình của sóng:

+ Sông -> bể: từ nhỏ hẹp đến nơi rộng lớn.

+ Phép nhân hoá: “*Sông - không hiểu mình*” ; “*Sóng - tìm ra bể*”

→ Khát vọng vươn xa, thoát khỏi những gì nhỏ hẹp, chật chội, tầm thường. Khát vọng tự khám phá, tự nhận thức, khát khao sự đồng cảm, đồng điệu trong tình yêu.

##### \* Khổ 2: Sóng được soi chiếu qua thời gian:

+ Quy luật của sóng: *Sóng: ngày xưa - ngày sau: vẫn thế*

→ Sự trường tồn bất biến của sóng trước thời gian.

+ Quy luật của tình cảm: “*Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ*”



→ Tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại.

=> Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sóng đại dương. Cũng như sóng, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời. => Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la, vô tận.

## 2. Sóng – những suy nghĩ, trăn trở về tình yêu (Khổ 3-7)

\* **Khổ 3,4:** Khát vọng tìm đến cội nguồn tình yêu:

- Điệp từ: *em nghĩ* quay về lòng mình, bộc lộ nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá. Tình yêu chín chắn đầy suy nghĩ, trăn trở.

- Câu hỏi tu từ: *Từ nơi nào sóng lên? Gió bắt đầu từ đâu? Khi nào ta yêu nhau?*

→ XQ dựa vào quy luật tự nhiên để truy tìm khởi nguồn của tình yêu nhưng nguồn gốc của sóng cũng như tình yêu đều bất ngờ, đầy bí ẩn, không thể lí giải

→ Hướng vào lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu

=> Cách cất nghĩa tình yêu rất chân thành và đầy nữ tính.

\* **Khổ 5: Nỗi nhớ:**

- Trong mọi không gian, thời gian: *lòng sâu; trên mặt nước; nhớ bờ; ngày đêm.*

- Sóng: nhớ bờ

- Em: *nhớ anh - trong mơ*

→ Sóng nhớ bờ mãnh liệt, tha thiết. Em nhớ anh đắm say bội phần.

=> Nỗi nhớ choáng ngợp cõi lòng, khắc khoải trong mọi thời gian, hiện diện trong mọi không gian, không chỉ trong ý thức mà thấm sâu vào trong tiềm thức.

=> Chân thành, táo bạo, mạnh dạn bày tỏ tình yêu → mới mẻ.

\* **Khổ 6: Chung thủy:**

- *Xuôi bắc - ngược nam:* cách nói ngược.

- *Em - một phương* → tình yêu hết mình, tuyệt đối, thủy chung, được khẳng định một cách rạch ròi, dứt khoát

→ Nhịp thơ dồn dập, tha thiết. Trái tim chân thành, tấm lòng nhân hậu bao dung, là biểu hiện tình yêu trong sáng, cao đẹp, có gốc rễ trong tâm thức dân tộc.

\* **Khổ 7: Niềm tin:**

- Sóng khao khát đến bờ như tình yêu tìm đến hạnh phúc.

- *Sóng tới bờ dù cách trở:* Tình yêu là sức mạnh để vượt qua gian lao, thử thách để đạt đến hạnh phúc

→ Niềm tin mãnh liệt vào tình yêu.

→ Nhịp thơ chậm, suy nghĩ trong sáng của một tâm hồn yêu thủy chung và cao thượng.

## 3. Khát vọng tình yêu (Khổ 8,9):

*Cuộc đời tuy dài >< năm tháng vẫn đi qua, Biển dẫu rộng >< mây vẫn bay về xa.*

-> Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.

- *Làm sao... → trăm con sóng → ngàn năm...:* dùng từ chỉ số lượng lớn, khát vọng hóa thân thành sóng bất tử hóa tình yêu.

=> XQ thể hiện một cái tôi sôi nổi, chân thành trong tình yêu.

## III. Tổng kết:

### 1. Ý nghĩa văn bản:

Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người.

### 2. Nghệ thuật :

- Thể thơ 5 chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng.

- Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết.

## ĐỀ MINH HỌA:

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TÔN THẤT TÙNG

KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023 – 2024

Môn: Ngữ văn, Lớp: 12

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

### I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

#### Đọc đoạn trích:

*Một ước mơ phù hợp là yếu tố quan trọng góp phần làm nên một việc có ý nghĩa. Ước mơ là hình ảnh của những điều nằm trong tâm trí ta, và nếu bạn là người có quyết tâm thì bạn sẽ tìm cách đạt được nó. Những người làm nên nghiệp lớn trên thế giới đều là những người biết mơ ước.*

*Ước mơ không bao giờ hình thành ở những người thờ ơ, lười biếng hay thiếu tham vọng. Bạn hãy đặt ra những ước mơ nằm trong khả năng của mình và lên kế hoạch cụ thể để từng bước hiện thực hóa chúng. Trong khi vạch ra kế hoạch cụ thể để đạt được thành công, cả trong sự nghiệp lẫn cuộc sống thường ngày, bạn đừng bị lung lay hay nhụt chí bởi những người xem bạn như là kẻ mơ mộng. Để đạt được thành công như mong muốn trong một thế giới đang có nhiều thay đổi này, bạn phải học hỏi tinh thần của các bậc tiền bối – những người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự phát triển của văn minh nhân loại. Tinh thần ấy là dòng huyết mạch của sự phát triển và là cơ hội để bạn giải phóng hết năng lực tiềm ẩn của mình. Hãy biết quên những ước mơ không thành của ngày hôm qua. Thay vào đó, cần biến ước mơ của ngày mai thành những công việc cụ thể, để một ngày không xa trong tương lai, chúng sẽ trở thành hiện thực.*

*Ước mơ không phải là cái sẵn có, cũng chẳng phải là cái không thể có. Ước mơ chính là con đường chưa được định hình, là hình ảnh của những điều nằm trong tâm trí bạn mà nếu có đủ quyết tâm, bạn hoàn toàn có thể hiện thực hóa chúng.*

*Nếu bạn tin tưởng vào những ước mơ của mình thì hãy cố gắng thực hiện bằng tất cả.*

(Trích Không gì là không thể, George Matthew Adams)

#### Thực hiện các yêu cầu:

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 2.** Theo tác giả, để đạt được thành công như mong muốn chúng ta cần phải làm gì?

**Câu 3.** Tác giả cho rằng: “*Một ước mơ phù hợp là yếu tố quan trọng góp phần làm nên một việc có ý nghĩa*”. Anh/Chị hiểu như thế nào là ước mơ phù hợp?

**Câu 4.** Thông điệp nào trong đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

### II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

#### Câu 1. (2,0 điểm)

Từ đoạn trích trong phần Đọc – hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh /chị về **vai trò của ước mơ trong sự thành công** của mỗi người.

#### Câu 2. (7,0 điểm)

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc,  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm.  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.  
Rải rác biên cương mồ viễn xứ,  
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh,  
Áo bào thay chiếu anh về đất,  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

(Trích: *Tây Tiến* - Quang Dũng, *Ngữ văn 12*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam)

Phân tích hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tính chất bi tráng được thể hiện qua đoạn thơ.

-----HẾT-----

Duyệt của BGH

*Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2023*

TTCM

Phạm Ngọc Thủy